

## TỔNG QUAN VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ TYPE VÀ MOTIF (TRƯỜNG HỢP Ở VIỆT NAM)

Nguyễn Thị Nhung

*Trường Dự bị Dân tộc, Trường Đại học Cần Thơ*

**Tóm tắt.** Nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu folklore hiệu quả và khá phổ biến trên thế giới. Tiêu biểu là các nghiên cứu của Antti Aarne và Stith Thompson (Phần Lan); V.I.a. Propp, Veselovski và Meletinski (Nga)... Ở Việt Nam, có khá nhiều người đã vận dụng thành quả của các nhà nghiên cứu nêu trên trong quá trình thực hiện những nghiên cứu về truyện kể dân gian và được những thành tựu nhất định. Bài viết này tập trung tổng hợp, nhận định kết quả vận dụng lí thuyết nêu trên của các nhà nghiên cứu Việt Nam với mục đích giúp bạn đọc có một cái nhìn tổng quan, toàn diện về hướng nghiên cứu.

**Từ khóa:** nghiên cứu, truyện kể dân gian, type và motif.

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu xuất hiện khá sớm trong lịch sử các phương pháp nghiên cứu folklore thế giới. Antti Aarne và Stith Thompson được giới nghiên cứu folklore nhắc đến đầu tiên khi các ông *căn cứ trên cơ sở phương pháp địa lí lịch sử tiến hành sưu tầm tất cả các bản kể và các dị bản của nó để sắp xếp những bản có đặc điểm cấu tạo giống nhau vào cùng một type truyện và đặt tên theo thứ tự nhất định từ A đến Z* để tạo nên một bảng mục lục tra cứu hết sức hữu dụng cho các nhà nghiên cứu Foklore trên toàn thế giới [14].

Nền tảng lí thuyết theo hướng cấu trúc chức năng là thuyết của V.I.a. Propp về motif và lí thuyết chức năng của nhân vật. V.I.a. Propp cho rằng: “trong truyện cổ tích còn có những yếu tố nhỏ hơn motif và chúng không tồn tại theo một trật tự xác định mà mỗi motif có công thức cấu tạo riêng và thể phân chia thành nhiều thành phần nhỏ hơn” [10].

Nếu như việc vận dụng lí thuyết của trường phái Phần Lan và lí thuyết cấu trúc của V.I.a. Propp giúp các nhà nghiên cứu xác định một cách khá chính xác tên gọi, cấu tạo và bước đầu giúp họ nhận diện ra sự tương đồng và khác biệt giữa các type và motif của truyện kể dân gian, thì hướng nghiên cứu so sánh theo lí thuyết của Trường phái Thi pháp lịch sử mà đại diện là A.N.Veselovsky đã góp phần đưa việc so sánh type và motif truyện kể dân gian, đến một bình diện rộng hơn và sâu sắc hơn, nghiên cứu chúng trong cả nguồn gốc sản sinh lẫn quá trình biến đổi và chuyển hóa để lí giải một cách trọn vẹn dựa trên các cơ liệu về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tín ngưỡng... Ở Việt Nam, trong quá trình vận dụng, hướng nghiên cứu này cũng đã có những bước phát triển khác nhau đạt và được những thành tựu nhất định. Trong bài viết này, chúng tôi tổng quan lại những công trình của các nhà nghiên cứu truyện kể dân gian từ góc độ type và motif theo hướng này trên ba phương diện tiêu biểu nêu trên. Từ đó, góp phần giúp người đọc có cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về hướng nghiên cứu này tại Việt Nam.

---

Ngày nhận bài: 15/7/2017. Ngày sửa bài: 2/8/2017. Ngày nhận đăng: 10/10/2017.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Nhung. Địa chỉ e-mail: [ntnhung@ctu.edu.vn](mailto:ntnhung@ctu.edu.vn)

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thompson

#### 2.1.2. Về bảng tra mục lục type và motif

Trong bài viết *Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khả thủ và bất cập*, PGS.TS. Trần Thị An đã nhận định: “Công trình thứ nhất đến công trình thứ ba của Antti Aarne và Stith Thompson chứng tỏ rằng đã có một bước tiến rất xa trong quan điểm học thuật của trường phái Phần Lan. Sự ứng dụng phương pháp type và motif trong biên soạn các bảng tra cứu văn học dân gian và nghiên cứu văn học dân gian có một sức lan tỏa rất lớn. Nó không chỉ đẩy lên phong trào nghiên cứu ở trường Indiana mà còn xâm nhập khá sâu vào giới nghiên cứu folklore thế giới, trong đó có Việt Nam” [1].

Về lịch sử hình thành lí thuyết này, Trần Thị An cho rằng “Trường phái này được khởi xướng bởi các nhà nghiên cứu folklore Phần Lan là Julius Leopold Fredrik Krohn (1835-1888), giáo sư văn học Phần Lan ở Đại học Tổng hợp Helsinki và con ông, Kaarle Krohn (1863-1933), giáo sư ngành Folklore so sánh của trường Đại học Tổng hợp Helsinki, Chủ tịch Hội Văn học Phần Lan. Phương pháp nghiên cứu này được tiếp tục bởi học trò của hai ông là Antti Aarne (1867-1925). Các nhà nghiên cứu theo phương pháp trên đã tiến hành sưu tầm càng nhiều càng tốt các dị bản truyện cổ tích, lập nên bảng tra rồi tiến hành so sánh để tìm ra bản cổ nhất, trên cơ sở đó mà xác định được nơi phát tích của một truyện cổ và vạch ra con đường địa lí của sự lưu truyền truyện cổ ấy, giống như “chúng ta có thể lần theo dấu vết con thú về hang ổ của nó”. Stith Thompson (1885-1976), giáo sư tiếng Anh của trường đại học Indiana, người có công thành lập Viện Folklore đầu tiên ở nước Mỹ thuộc trường đại học Indiana vào năm 1942, là người có công *mở rộng bảng tra type được lập nên bởi Antti Aarne, xuất bản năm 1910*” [1]. Trong bảng tra cứu này, ông quan niệm “Type là những cốt truyện có thể tồn tại độc lập trong kho tàng truyện kể truyền miệng, có thể coi nó như là một truyện kể hoàn chỉnh, ý nghĩa của nó không giống với bất kì một truyện nào khác. Tất nhiên, nó cũng có thể kết hợp với truyện khác một cách ngẫu nhiên, nhưng xuất hiện một cách riêng rẽ thì cũng đã có thể chứng minh tính độc lập của nó. Nó có thể gồm một hoặc nhiều motif...”; “Motif là thành phần nhỏ nhất có thể tồn tại liên tiếp trong truyền thống. Type là một loạt motif kết hợp theo tứ tự tương đối cố định” [1].

Phương pháp mà Stith Thompson và Antti Aarne sử dụng để xác định và xây dựng nên các type truyện và gọi tên các type là trên cơ sở sưu tầm, khảo sát toàn bộ các truyện kể ở Helsinki, Bắc Âu, bộ truyện gia đình của anh em Grimm và những truyện cổ dân gian sưu tầm ở Châu Âu và Ấn Độ sau đó chia chúng thành ba nhóm: Truyện về loài vật, truyện dân gian thông thường, truyện cười và giai thoại rồi đặt tên chúng từ 1 đến 800 type.

Về bảng tra motif, Stith Thompson căn cứ trên sự giống nhau của các tình tiết truyện của các type truyện mà ông sưu tầm được sắp xếp chúng thành ba loại: Nhân vật là thần thánh, các con vật (hiền và ác) có phép thần; Những đồ vật làm nền cho các hành động (vật thần kì, tập quán khác thường, niềm tin lạ lùng) và những sự việc đơn lẻ sau đó sắp xếp chúng thành hơn 20 chương từ A đến Z.

#### 2.1.2. Vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thomps trong nghiên cứu truyện cổ dân gian của các nhà khoa học Việt Nam

Ở Việt Nam việc vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thompson trong nghiên cứu truyện dân gian được rất nhiều các nhà nghiên cứu hưởng ứng và vận dụng. Việc vận dụng này tập trung theo một số hướng như sau:

##### 2.1.2.1. Vận dụng để xây dựng bảng tra hoặc từ điển type và motif của truyện kể Việt Nam

Phương pháp này đã được rất nhiều nhà nghiên cứu Truyện kể dân gian Châu Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vận dụng và đạt được những kết quả rất đáng trân trọng. Ở Việt

Nam, tiêu biểu cho hướng vận dụng này có thể kể đến các nhà nghiên cứu như: Nguyễn Thị Hiền và Nguyễn Thị Huệ. Tác giả Nguyễn Thị Hiền trong một nghiên cứu của mình đã khảo sát một trường hợp cụ thể đó là truyện cổ tích Tấm Cám, theo bà, truyện Tấm Cám của Việt Nam có tất cả 35 motif (trong đó có 20 motif có sẵn trong bảng danh mục của Antti Aarne và Stith Thompson và 15 motif do bà tìm ra). Bên cạnh đó bà cũng cho rằng phương thức này có thể vận dụng cho bất kì truyện cổ dân gian nào của Việt Nam [8]. Mặc dù những motif mới mà bà tìm được chủ yếu được suy ra từ các motif lớn hơn nhưng cách khảo sát này góp phần định hướng cho rất nhiều nghiên cứu về truyện dân gian từ góc độ type và motif của các nhà nghiên cứu trẻ như chúng tôi. Gần đây, năm 2012, tác giả Nguyễn Thị Huệ cũng đã biên soạn một Bảng mục lục tra cứu type và motif truyện dân gian Việt Nam, với mong muốn sẽ góp phần trong việc cung cấp tư liệu tra cứu các type truyện và motif truyện dân gian Việt Nam cho giới nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam nói riêng và những học giả nước ngoài quan tâm nghiên cứu đến truyện dân gian Việt Nam nói chung [10]. Có thể xem quyển từ điển type và motif này là một tài liệu tra cứu rất bổ ích, là kim chỉ nam hết sức hữu dụng cho việc tra cứu và gọi tên các type truyện dân gian của các dân tộc ở Việt Nam, trong đó có truyện cổ tích thần kì.

#### **2.1.2.2. Vận dụng để so sánh type và motif của truyện kể Việt Nam**

Bên cạnh các công trình biên soạn, sắp xếp các truyện kể dân gian như trên, khuynh hướng nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian theo các hệ thống type, motif cũng đã được các nhà nghiên cứu folklore trên thế giới tiến hành. Hướng nghiên cứu này tập trung xác định các motif, đơn vị nền tảng cấu thành cốt truyện (là đơn vị hạt nhân, là thành phần có thể phân tích được hoặc có thể chỉ là một mẫu kể ngắn gọn, đơn giản, một sự việc gây ấn tượng... ) của type truyện để tiến hành so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng về mặt cấu tạo, đồng thời căn cứ trên các dữ liệu về địa văn hóa, dân tộc học,... để lí giải cho sự tương đồng và khác biệt đó. Nền tảng lí thuyết của hướng nghiên cứu này là phương pháp của trường phái Phần Lan (lập sơ đồ các type và motif của tất cả các dị bản truyện kể, sau đó tiến hành so sánh và lí giải căn cứ vào cứ liệu địa lí, lịch sử văn hóa hoặc lí giải cho sự dịch chuyển và biến đổi các motif trong quá trình lưu truyền trong cùng một vùng văn hóa hoặc từ vùng văn hóa này đến vùng văn hóa khác...). Tuy việc nghiên cứu type và motif truyện dân gian theo hướng so sánh này được khởi xướng khá muộn ở Việt Nam nhưng được rất nhiều nhà nghiên cứu về văn học dân gian Việt Nam nói chung và các nhà nghiên cứu về truyện kể dân gian nói riêng áp dụng.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này có thể kể đến các bài viết của các tác giả Lê Chí Quế, Kiều Thu Hoạch, Nguyễn Tấn Đắc, Nguyễn Thị Hiền... Lê Chí Quế là người là người có công trong việc giới thiệu phương pháp so sánh theo hướng này. Năm 1994, ông đã viết bài “Trường phái văn học dân gian Phần Lan - những nguyên tắc lí luận và khả năng ứng dụng” đăng trên *Tạp chí Văn học*, số 5/1994 để giới thiệu lí thuyết loại hình học của các nhà folklore Phần Lan và đưa ra những triển vọng về khả năng ứng dụng của nó ở Việt Nam. Ông cũng chính là người đầu tiên đưa lí thuyết loại hình của trường phái Phần Lan vào nghiên cứu truyện cổ tích, truyền thuyết ở Việt Nam, đồng thời dựa vào lí thuyết loại hình học và thực tiễn ở Việt Nam để xác lập truyền thuyết như một thể loại độc lập của văn học dân gian Việt Nam. Nguyễn Thị Hiền cũng đã giới thiệu khá ngắn gọn và dễ hiểu quan niệm và phương pháp Aarne và stith Thompson thực hiện trong bảng tra cứu type và motif truyện cổ dân gian, đồng thời tác giả cũng ứng dụng phương pháp này để xác định các các motif trong truyện cổ tích Tấm Cám. Cách tiếp cận này gợi mở cho người đọc một cái nhìn chi tiết và rõ nét hơn các motif căn bản của truyện Tấm Cám. Đi sâu và cụ thể hơn về phương pháp so sánh này có thể kể đến bài viết của Kiều Thu Hoạch về so sánh truyện Trầu cau ở Trung Quốc với type truyện cùng loại của Việt Nam và Campuchia, bản về tục ăn trầu và văn hóa ăn trầu Đông Nam Á và các bài viết của Nguyễn Tấn Đắc giới thiệu bảng tra cứu AT và vận dụng lí thuyết type và motif trong nghiên cứu truyện Tấm Cám [4]...

Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều nhà nghiên cứu đã vận dụng phương pháp này trong công

trình nghiên cứu của mình chẳng hạn như: Vũ Anh Tuấn trong luận án PTS của mình đã hệ thống và xác định các type truyện cơ bản của các truyện kể dân gian Tày ở Đông Bắc Việt Nam và giúp người đọc có cái nhìn tổng quát về các đặc điểm của các típ truyện này. Nguyễn Bích Hà trong chuyên khảo *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ tích Việt Nam và Đông Nam Á* bên cạnh việc thống kê, phân tích và diễn hóa các motif trong kiểu truyện Thạch Sanh, tác giả còn tiến hành so sánh kiểu truyện dũng sĩ của Việt Nam và Đông Nam Á với những nhận xét thú vị, làm cơ sở cho các nghiên cứu về truyện dân gian sau này của các nhà nghiên cứu trẻ [7] ...

Gần đây, nhiều luận án, luận văn đã vận dụng lí thuyết type và motif của Antti Aarne và Stith Thomps làm nền tảng lí thuyết cho nghiên cứu của mình như: Đường Tiểu Thi, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Lan Ngọc, Nguyễn Thị Nguyệt... Các công trình nghiên cứu này một lần nữa khẳng định hướng tiếp cận truyện kể dân gian theo hướng type và motif là một hướng đi đúng và mang lại những giá trị nhất định giúp các nhà nghiên cứu đi sau như chúng tôi vững tin hơn trong việc vận dụng lí thuyết của Antti Aarne và Stith Thompson vào nghiên cứu của mình.

## **2.2. Vận dụng lí thuyết của V.Ia. Propp để phân tích cấu tạo của type và motif truyện**

### **2.2.1. Về lí thuyết của Propp**

V.Ia.Propp, nhà nghiên cứu người Nga có những công trình về folklore rất có giá trị, trong đó có thể khẳng định, *Hình thái học của truyện cổ tích* là một trong những công trình giúp các nhà nghiên cứu ở các nước trên thế giới có những định hướng đúng đắn trong quá trình nghiên cứu truyện cổ tích thần kì. Trong công trình này ông đưa ra 31 chức năng của nhân vật và khẳng định các chức năng này làm nên những bộ phận cơ bản của các type truyện cổ tích thần kì. Propp cho rằng: Motif là những đơn vị còn có thể phân chia được và là những thành phần được tạo nên từ các chức năng của nhân vật hành động. Motif không phải là sơ đẳng và cũng không chỉ bao gồm một thành phần mà motif là một đơn vị còn có thể phân chia được nhỏ hơn. Theo ông trong truyện cổ tích còn có những yếu tố nhỏ hơn motif và chúng không tồn tại theo một lôgic độc lập [12]. La Mai Thi Gia trong công trình *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lí thuyết và ứng dụng* đã phân tích motif *Sự phái đi* bao gồm các phần nhỏ hơn được kết hợp lại như: (1) người phái đi + (2) việc phái đi + (3) người được phái đi + (4) mục đích của việc phái đi + (5) hành động ra đi tìm kiếm của nhân vật được phái đi. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra, trong các yếu tố trên chỉ có hai chức năng của nhân vật hành động là *sự phái đi* và *sự ra đi tìm kiếm* là những đại lượng bất biến, luôn luôn có mặt trong bất kì một cấu trúc truyện cổ tích thần kì nào. Những đại lượng còn lại thì thường biến và có thể biến đổi trong nhiều cốt truyện khác nhau. Và chính sự biến đổi của các thành phần đã làm nảy sinh sự hoán cải các câu truyện cổ tích và dẫn đến sự biến thiên của các đề tài [6].

### **2.2.2. Vận dụng**

Những lí thuyết tiền đề nêu trên của Propp đã có những ảnh hưởng tích cực đến hướng nghiên cứu so sánh truyện cổ tích của nhiều nhà nghiên cứu trên thế nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trong quá trình so sánh giữa các type truyện với nhau, các nhà nghiên cứu thường dựa trên hành động của nhân vật, các sự kiện diễn ra trong cuộc đời của các nhân vật và diễn biến nội dung của câu chuyện để xác định các sơ đồ cấu tạo của cốt truyện và cấu tạo cụ thể của các motif để so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt của các kiểu truyện.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu type và motif theo cấu trúc ở Việt Nam có thể kể đến một số tác giả như: Chu Xuân Diên, Nguyễn Thị Huế, Tăng Kim Ngân, La Mai Thi Gia, Phạm Tuấn Anh...

Chu Xuân Diên, trong bài viết *Về cái chết của mẹ con dì ghẻ trong truyện Tấm Cám* đã vận dụng lí thuyết cấu trúc của Propp để phân tích cấu tạo của motif trừng phạt ở cuối truyện. Dựa trên đặc điểm cấu trúc của motif, ông xác định dạng môtip trả thù và dạng motif trừng phạt chính là hai dạng motif nòng cốt cho đoạn kết trong kiểu truyện Tấm Cám ở Việt Nam và Đông

Nam Á. Hai dạng motif này có khả năng biến đổi và chuyên hóa tùy theo các bản kể khác nhau. Ông khẳng định: “Yếu tố bất biến của hai dạng môtip đó là cái chết của mẹ con cô Cám, yếu tố khả biến là nhân vật gây ra cái chết đó. Nếu nhân vật đó là Tấm thì có thể gọi đó là môtip trả thù, còn nếu là các nhân vật khác thì có thể gọi đó là môtip trừng phạt”[3].

Tăng Kim Ngân đã vận dụng lí thuyết cấu trúc chức năng của Propp trong chuyên luận *Cổ tích thần kì người Việt - Đặc điểm cấu tạo cốt truyện*. Tác giả đã dành cả chương 1 để giới thiệu lí thuyết tiếp cận cốt truyện theo lí thuyết của Propp và chương 2 để phân tích cấu tạo của các kiểu truyện [11]. Đây là tài liệu hết sức bổ ích cho những nhà nghiên cứu dự kiến tiếp cận các type truyện dân gian theo lí thuyết của Propp.

Tác giả Trần Thị An trong bài viết “Motif đưa trẻ bị bỏ rơi và kết cấu cổ tích trong *Không gia đình* và *Oliver Twist*” đã xác định “*Không gia đình* và *Oliver Twist*”, nhân vật chính đã thực hiện lần lượt 19 chức năng số 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 26, 27, 29, 30, 31. Các chức năng đó có tên gọi là: *Sự vắng mặt, sự cảm đoán, sự dò la, sự bộc lộ, sự lừa dối, việc làm hại, sự liên kết, thử thách của người cho, sự đánh dấu, sự khắc phục tai họa (hay khắc phục sự thiếu thốn), trở về, sự truy nã, sự thoát khỏi, chuyển viếng thăm bí mật, sự nhận ra, sự vạch mặt, sự chuyển, sự trừng trị, kết hôn*. Đây là một trong những bài khá công phu nghiên cứu so sánh truyện dân gian và tiểu thuyết từ góc độ type và motif và góc độ chức năng nhân vật [2].

Luận án Tiến sĩ của Phạm Tuấn Anh và chuyên khảo của La Mai Thi Gia cũng sử dụng phương pháp tiếp cận này.

### **2.3. Vận dụng lí thuyết của thi pháp lịch sử của Veselovski và Meletinski để so sánh type và motif.**

#### **2.3.1. Lí thuyết của Veselovski và Meletinski**

Veselovski là nhà folklore học Nga nổi tiếng thế kỉ XIX. Ông là người đầu tiên đưa ra khái niệm type và motif. Theo ông Trần Đức Ngôn, mặc dù các nghiên cứu của Veselovski về type và motif tập trung chủ yếu trong các bài viết riêng lẻ nhưng quan niệm và tư tưởng của ông là những tiền đề vững chắc giúp các nhà nghiên cứu trên thế giới vận dụng và phát triển. Ông quan niệm: Motif là yếu tố cố định (yếu tố bất biến) trong truyện cổ tích thần kì. Cũng theo ông, những truyện cổ tích thần kì có cùng một số motif giống nhau sẽ thuộc về một type. Bên cạnh đó, ông cũng nhấn mạnh: giữa type và motif luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong trường hợp cốt truyện chỉ bao gồm một motif thì motif này có thể chuyên hóa thành type và ngược lại, một cốt truyện đang thuộc về một type, có thể di chuyển vào một cốt truyện khác phức tạp hơn và chỉ là một thành phần của cốt truyện phức tạp này.

Nhận thức về mối quan hệ giữa motif và cốt truyện, quan niệm của E.M.Meletinski lại có những nét tương đồng với Veselovski. Nếu Veselovski coi motif là đơn vị đầu tiên sơ khởi, là khái quát hóa đơn giản nhất, theo thời gian nó liên tục chuyển đổi, gia tăng, nối dài, được đắp thêm những tình tiết trong sinh hoạt thực tại của xã hội và cuối cùng là chuyên hóa thành cốt truyện... thì Meletinski coi Motif là hạt nhân của hành động, cốt truyện được hình thành từ sự kết hợp của loại motif cổ xưa và motif sinh hoạt xã hội. Những motif cổ xưa có nguồn gốc từ những khía cạnh sinh hoạt và thế giới quan của xã hội trước giai cấp đã hình thành nên chủ đề cốt truyện của truyện cổ tích. Những motif sinh hoạt xã hội thường tạo nên chủ đề, trong khi các motif cổ xưa tạo thành hạt nhân cốt lõi của chủ đề đó. Hay nói một cách khác: các motif sinh hoạt xã hội phản ánh sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, còn các motif cổ xưa thì có nguồn gốc ở các mặt sinh hoạt khác nhau và ở thế giới quan của xã hội trước khi có giai cấp. Trong sự kết hợp này, các motif cổ xưa là cái cốt lõi, còn các motif sinh hoạt thì thường làm thành đường viền, thành cái khung của cốt truyện [6].

#### **2.3.2. Vận dụng**

Trên thế giới, V.I.a. Propp với công trình *Những căn rễ của truyện cổ tích thần kì* (2003) và E.E. Meletinsky với công trình *Nhân vật truyện cổ tích thần kì - nguồn gốc các hình tượng*

(1958) là hai đại diện tiêu biểu cho việc áp dụng lí thuyết của Trường phái Lịch sử vào nghiên cứu của mình.

Ở Việt Nam, có rất nhiều công trình và bài báo ứng dụng phương pháp nghiên cứu so sánh lịch sử rất khả thi và đã vạch ra một hướng nghiên cứu mới cho các nhà nghiên cứu trẻ giống như chúng tôi. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này, đầu tiên có thể kể đến phần lí giải của Chu Xuân Diên về motif “chết do bị dội nước sôi” trong kiểu truyện Tấm Cám ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á có nguồn gốc từ nghi lễ thờ nước của xã hội thị tộc..., Nguyễn Thị Huệ, khi nghiên cứu về nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam cũng đã đưa ra khá nhiều lí giải về nguồn gốc phong tục và tín ngưỡng của người mang lốt [9], Đinh Gia Khánh, Tăng Kim Ngân, La Mai Thi Gia, Nguyễn Thị Nguyệt cũng đã vận dụng hướng nghiên cứu này trong quá trình lí giải các vấn đề nghiên cứu của mình.

### 3. Kết luận

Như vậy, nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu hiệu quả, xuất phát từ đặc trưng riêng biệt của truyện kể dân gian. Vì vậy, hướng nghiên cứu này được đông đảo các nhà khoa học trên thế giới và trong nước vận dụng. Ở Việt Nam, hướng nghiên cứu này đã và đang giúp cho các nhà nghiên cứu chỉ ra được những giá trị độc đáo, đặc sắc mà truyện kể dân gian chứa đựng, phản ánh. Từ đó, đã góp phần đáng kể vào thành tựu nghiên cứu truyện kể dân gian Việt Nam nói riêng, folklore trên thế giới nói chung.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị An, (2008). “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khả thủ và bất cập”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 7/2008.
- [2] Trần Thị An, (2008). “Motif đứa trẻ bị bỏ rơi và kết cấu cổ tích trong *Không gia đình* và *Oliver Twist*”. *Tạp chí Văn học nước ngoài*, Hà Nội, số 5/2008
- [3] Chu Xuân Diên, (2009). “*Về cái chết của mẹ con người dì ghẻ trong truyện Tấm Cám*”. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/van-hoc-dan-gian/294-v-cai-cht-ca-m-con-ngi-di-gh-trong-truyn-tm-cam.html>.
- [4] Nguyễn Tấn Đắc (Cb), (1983). *Về bảng mục lục tra cứu các type và motif của truyện kể dân gian, Văn học dân gian, những phương pháp nghiên cứu*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [5] Nguyễn Tấn Đắc, (2001). *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] La Mai Thi Gia, (2015). *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lí thuyết và ứng dụng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Bích Hà, (1998). *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ tích Việt Nam và Đông Nam Á*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Hiền, (2000). “Nghiên cứu truyện Dân gian Việt Nam theo bảng mục lục tra típ và mô típ”. *Tạp chí Văn hóa Dân gian* số 3, tr 105-127.
- [9] Nguyễn Thị Huệ (1999). *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Thị Huệ, (2012). *Từ điển type truyện Dân gian Việt Nam*. Nxb Lao động, Hà Nội.
- [11] Tăng Kim Ngân, (1994). *Cổ tích Thần kì người Việt*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12] Nhiều người dịch, (2003). *Tuyển tập V.Ia.Propp – Hình thái học của truyện cổ tích thần kì*, tập 1, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

- [13] Park Yeon Kwan, (2002). *Nghiên cứu so sánh một số type truyện Cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [14] Phạm Tuấn Anh, (2010), *Phân loại các type truyện cổ tích thần kì Việt Nam theo cấu trúc cốt truyện*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [15] Nhiều người dịch, (2004). *Tuyển tập V.Ia.Propp*, tập 2. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
- [16] Vũ Anh Tuấn, (1991). *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số típ truyện kể dân gian Tày ở vùng Đông bắc Việt Nam*. Luận án Phó Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội
- [17] Stith Thompson, (1958). *Motif - index of folk – literature*. Indiana University Press; Bloomington and Indianapolis.

## **ABSTRACT**

### **Overview of research works on Vietnamese folktale under type and motif perspectives (cases in Vietnam)**

Nguyen Thi Nhung

*School of Pre University, Can Tho University*

Folktale research under type and motif perspectives is a quite effective and common kind of folklore research in the world, typically including research of Antti Aarne and Stith Thompson (Finland); V.Ia. Propp, Veselovski, and Meletinski (Russia)... In Vietnam, many people have used the research results of the above researchers during their research on folktales and obtained certain achievements. In this paper, the focus is given to the synthesis and judgment of theoretical application results of Vietnamese researchers to provide readers with an overview and comprehensive insight into the research direction.

**Keywords:** study, folktale, type and motif.